

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/KDTM-ST

Ngày 28/9/2017

Về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;
2. Bà Thái Tín Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 9 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLST-KDTM ngày 24/02/2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-KDTM ngày 18/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-KDTM ngày 11/9/2017 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2017/TB-KDTM ngày 15/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Viết tắt là S, sau đây gọi là Ngân hàng); địa chỉ: Số nhà XXX đường N. K. K. N, Phường Y, Quận Z, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984 - Trưởng phòng giao dịch V, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh Sóc Trăng (có mặt); địa chỉ: Số nhà 000 đường P, khóm C, phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Giấy ủy quyền số 50/2017/GUQ-PL&TT ngày 03/01/2017, của Tổng Giám đốc Ngân hàng S và Giấy ủy quyền số 73/2017/GUQ-CNST ngày 13/01/2017, của Giám đốc Ngân hàng S Chi nhánh Sóc Trăng).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1976 (Có mặt) và chị Trần Thị T, sinh năm 1979 (Vắng mặt); cùng địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1950 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.2/ Bà Mã Thị C, sinh năm 1955 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.3/ Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1979 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.4/ Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1981 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3.5/ Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1983 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số thuộc ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2017 (BL 02) cũng như quá trình giải quyết vụ án (BL 92) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Ngày 03/9/2015, Ngân hàng S Chi nhánh Sóc Trăng - Phòng giao dịch V với anh Đ, chị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số *LD 1524600311*. Nội dung cơ bản của Hợp đồng gồm: Ngân hàng cho anh Đ, chị T vay số tiền 200.000.000 đồng; lãi suất 03 tháng đầu là 12%/năm, lãi suất này chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên; thời hạn vay là 48 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh - thu mua phế liệu; phương thức thanh toán trả vốn cố định 50.000.000 đồng/lần/12 tháng, lãi trả theo dư nợ giảm dần; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/9/2019. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngày 03/9/2015, anh Đ và chị T đã ký Hợp đồng số *LD 1524600311.1* thế chấp cho Ngân hàng 13.000m² đất thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 10; tọa lạc tại ấp V, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0229QSDĐ/8191317 cấp ngày 13/02/2004, do hộ anh Đ đứng tên. Ngoài ra, anh Đ và chị T còn được cha, mẹ ruột của anh Đ là ông Nguyễn Thành D, bà Mã Thị C ký Hợp đồng số *LD 1524600311.2* ngày 03/9/2015 với Ngân hàng, để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ; tài sản thế chấp là 11.251m² đất thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 04; tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0189QSDĐ/58070902 cấp ngày 02/12/1999, do hộ ông Nguyễn Thành D đứng tên.

Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và anh Đ, chị T đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 03/9/2016 thì các bị đơn vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện trả nợ vốn và từ ngày 04/9/2016 đến nay cũng không trả lãi nên xảy ra tranh chấp. Tính đến ngày 27/9/2017, anh Đ và chị T còn nợ nguyên tiền vốn vay, lãi trong hạn là 19.129.375 đồng, lãi quá hạn là 10.368.021 đồng; tổng cộng tiền vốn và lãi là 229.497.396 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng). Nay, Ngân hàng yêu cầu anh Đ với chị T phải thanh toán ngay số tiền trên và lãi suất theo Hợp đồng từ ngày 28/9/2017 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp, anh Đ và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng S giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, Giấy ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Sóc Trăng, Hợp đồng tín dụng số *LD 1524600311*, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số *LD 1524600311.1* và số *LD 1524600311.2*, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy nhận nợ.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2017 (BL 113), Biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 (BL 348) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Thành Đ và chị Trần Thị T trình bày:

Anh Đ, chị T thừa nhận có ký Hợp đồng vay 200.000.000 đồng, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số *LD 1524600311.1* ngày 03/9/2015 và được ông D, bà C bảo lãnh với Ngân hàng bằng việc ký Hợp đồng thế chấp số *LD 1524600311.2* ngày 03/9/2015. Các bị đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày về thời hạn, hình thức thanh toán; lãi suất trong hạn, quá hạn; số tiền chưa thanh toán và việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Anh Đ, chị T khẳng định đã có lỗi trong việc để phát sinh nợ quá hạn, do làm ăn thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán theo Hợp đồng. Anh Đ thống nhất số tiền vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng đã tính toán, thừa nhận tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2017 là 229.497.396 đồng, đề nghị được trả mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu thanh toán ngay một lần, anh Đ và chị T không có khả năng trả nợ nên đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, do anh Đ đứng tên Giấy chứng nhận để thu hồi toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngoài các ý kiến trình bày nêu trên, anh Đ và chị T không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/7/2017 (BL 188), Biên bản ngày 11/8/2017 (BL 347); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành D và bà Mã Thị C trình bày:

Ông D, bà C có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông D, bà C thừa nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do ông D đứng tên, để bảo lãnh cho khoản vay 200.000.000 đồng của con trai là anh Đ và con dâu là chị T đối với Ngân hàng S. Quyền sử dụng đất mà ông D, bà C thế chấp cho Ngân hàng là phần đất do ông D được cha của ông D chia cho, không phải do hộ gia đình ông D tạo lập được; thời điểm ông D được cấp Giấy chứng nhận thì con gái ông D là chị Nguyễn Thị Yến N đã đi lấy chồng, không còn sống chung với gia đình ông D; hiện nay ông D và bà C chưa chia phần đất này cho các con nên vẫn thuộc quyền sử dụng riêng của ông D, bà C.

Ông D và bà C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, không có yêu cầu gì khác và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 (BL 345), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành B trình bày:

Anh B có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh B không biết, không liên quan đến việc vay Ngân hàng của anh Đ, chị T; không liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất của anh Đ, chị T cũng như ông D, bà C. Quyền sử dụng đất mà ông D đứng tên và thế chấp cho Ngân hàng có nguồn gốc là của ông nội của anh B cho cha của anh B, ông D và bà C chưa chia phần đất này cho các con, hiện nay do không có điều kiện sử dụng nên đất bỏ hoang.

Anh B không có ý kiến hay yêu cầu gì liên quan đến việc giải quyết vụ án, không có tài liệu để giao nộp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 11/8/2017 (BL 346), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành Q đã không hợp tác với Tòa án, từ chối trình bày ý kiến và làm việc với lý do không liên quan, không có yêu cầu gì.

- Đối với chị Nguyễn Thị Yến N: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng chị N không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, chị N cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự, trong đó có chị N và đưa vụ án ra xét xử.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm các biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

- Phiên tòa ngày 11/9/2017, chị T và ông D, bà C, chị N, anh B, anh Q vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Đ và chị T thanh toán số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/9/2017 là 229.497.396 đồng. Ngoài ra, các bị đơn còn phải trả lãi suất theo Hợp đồng trên số tiền vốn đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp anh Đ, chị T không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, phía bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng yêu cầu anh Đ, chị T thanh toán tiền vốn vay và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng; anh Đ, chị T vay tiền nhằm bổ sung vốn kinh doanh (Thu mua phế liệu). Vì vậy, đây là giao dịch về kinh doanh, thương mại quy định tại Điều 1, Điều 2 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Hợp đồng trên đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên còn được điều chỉnh bởi các quy định tương ứng, theo điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật này. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành D, Mã Thị C, Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thành Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Các đương sự có mặt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt chị T và ông D, bà C, chị N, anh B, anh Q.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Hợp đồng tín dụng (BL 49), Giấy nhận nợ (BL 50), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 51, 58), Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (BL 52, 59), Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (BL 57, 65), Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của các đương sự (BL 66-76) cũng như những lời thừa nhận, không phản đối của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 03/9/2015, anh Đ và chị T đã giao kết Hợp đồng với Ngân hàng S để vay 200.000.000 đồng; anh Đ, chị T còn ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do anh Đ đứng tên với Ngân hàng và được ông D, bà C ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do ông D đứng tên để bảo đảm cho khoản vay nêu trên của anh Đ, chị T.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 163); quyền sử dụng đất được các đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm như sau:

+ Đất thế chấp theo Hợp đồng số *LD 1524600311.1*:

Hướng Đông: Giáp thửa 218 và 523, số đo là 90,33m + 249,36m (Đo từ hướng Bắc, giáp thửa 244 về hướng Nam, đến giáp bờ kênh);

Hướng Tây: Giáp thửa 244, số đo là 249,95m + 98,46m (Đo từ hướng Nam, giáp bờ kênh kéo về hướng Bắc);

Hướng Nam: Giáp bờ kênh, số đo là 51,21m (Đo từ hướng Đông, giáp thửa 253 về hướng Tây, giáp thửa 244);

Hướng Bắc: Giáp thửa 244, số đo là 44,19m (Đo từ hướng Đông, giáp thửa 218 về hướng Tây).

Diện tích thực tế là 16.356,8m² thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 10 (Theo bản đồ chính quy mới là thửa 252, tờ bản đồ số 06); tọa lạc tại ấp V, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Thành Đ đứng tên. Hiện trạng thửa đất gồm có 03 ao nuôi tôm, đang bỏ hoang, không có tài sản gì trên đất.

+ Đất thế chấp theo Hợp đồng số *LD 1524600311.2*:

Hướng Đông: Giáp thửa 149 và thửa 183, số đo là 99,96m + 7,54m (Đo từ hướng Bắc, giáp thửa 157 về hướng Nam, đến giáp thửa 200);

Hướng Tây: Giáp thửa 220 và thửa 212, số đo là 16,26m + 10,24m + 6,93m (Đo từ hướng Nam, giáp thửa 212 kéo về hướng Bắc đến giáp thửa 172);

Hướng Nam: Giáp thửa 200 và thửa 212, số đo là 61,40m + 58,06m + 1,22m (Đo từ hướng Đông, giáp thửa 183 về hướng Tây, đến giáp thửa 220);

Hướng Bắc: Giáp thửa 172 và 157, số đo là 23,09m + 122,40m (Đo từ hướng Đông, giáp thửa 149 về hướng Tây, đến giáp thửa 172).

Diện tích đo thực tế là 8.620,5m² thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 04 (Theo bản đồ chính quy mới là thửa 159, tờ bản đồ số 06); tọa lạc tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Thành D đứng tên. Hiện trạng đất bị bỏ hoang, chỉ có cây tạp mọc tự nhiên.

Xét Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1524600311 ngày 03/9/2015, thì thấy:

Theo Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng (BL 39), có nội dung ủy quyền cho Trưởng phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh Sóc Trăng ký kết các loại hợp đồng tín dụng, phù hợp với Điều 49 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng (BL 37); về phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ, chị T, ông D và bà C đều không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên Trưởng phòng giao dịch V ký kết Hợp đồng trên với phía bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự. Các đương sự đều thừa nhận đã giao kết Hợp đồng và không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích sử dụng tiền vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng. Hợp đồng có chứa đựng đầy đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và phía bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng tín dụng hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Từ ngày 04/9/2016, anh Đ, chị T không thực hiện trả vốn và lãi vay là đã vi phạm Điều 9, Điều 11 của Hợp đồng và Phụ lục kèm theo. Do đó, phía bị đơn đã có lỗi, Ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn theo điểm h Khoản 2 Phụ lục về các điều khoản chung của Hợp đồng. Anh Đ cũng thống nhất về số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/9/2017, đề nghị được trả chậm nhưng Ngân hàng không đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh Đ và chị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán 229.497.396 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 28/9/2017 cho đến khi trả hết nợ vay.

Xét Hợp đồng thế chấp số LD 1524600311.1 và số LD 1524600311.2, thì thấy:

Tương tự như việc ký Hợp đồng tín dụng số LD 1524600311, các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; các Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, không có đương sự nào khiếu nại.

Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Như vậy, trường hợp anh Đ và chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thực hiện đúng Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng.

Theo Phiếu thu của Tòa án (BL 139), Biên bản hoàn trả tiền tạm ứng (BL 153), Hóa đơn giá trị gia tăng (BL 160) thì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.161.228 đồng, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Đ và T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên anh Đ, chị T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng số tiền 4.161.228 đồng, quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Đ, chị T phải chịu theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể là $5\% \times 229.497.396 \text{ đồng} = 11.474.869 \text{ đồng}$.

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 320, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn Nguyễn Thành Đ và Trần Thị T, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Buộc anh Đ, chị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng 229.497.396 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 28/9/2017, cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu anh Đ và chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có đặc điểm đã nêu tại Căn cứ thứ 2 Mục [2] Phần Nhận định của Tòa án tại Bản án để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ và chị T phải liên đới chịu 11.474.869 đồng (Mười một triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi chín đồng).

Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.233.500 đồng, theo Biên lai thu số 0005430 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Đ và chị T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng S 4.161.228 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi một ngàn hai trăm hai mươi tám đồng).

Ngân hàng và anh Đ có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng chị T, ông D, bà C, chị N, anh B, anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHUÔNG